TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2017/DS-ST
Ngày 11/8/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Văn Chót

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2017/TLST - DS ngày 20 tháng 4 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1995/2017/QĐST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: 21/5 ấp TB, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

1/ Bà Phan Thị Hồng C, sinh năm 1959 (có mặt)

2/ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: 81/1 ấp AB, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2017 quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Vào ngày 08/8/2014 bà Phan Thị Hồng C và chồng là ông Trần Văn Đ có nhờ bà vay dùm tiền (vay hộ); bà đã vay tiền của người khác để cho bà C, ông Đ vay; số tiền bà C, ông Đ vay là 300.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/tháng, thời gian vay không kỳ hạn, bà C ông Đ vay tiền nhằm phục vụ cho việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình; Đến ngày 26/8/2014 bà C, ông Đ tiếp tục hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, thời gian

vay không kỳ hạn; bà C, ông Đ vay tiền cũng nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Nhưng sau khi nhận tiền vợ chồng bà C, ông Đ không đóng lãi theo thỏa thuận và không trả nợ gốc.

Đến ngày 19/4/2016 bà Phan Thị Hông C, ông Trần Văn Đ có lập Tờ cam kết và thỏa thuận với bà với nội dung như sau:

- Nợ vay 300.000.000 đồng tính từ ngày 08/8/2014 đến ngảy 05/5/2016 là 21 tháng với lãi suất 2,5%/tháng với số tiền lãi là 157.500.000 đồng.

- Nợ vay 100.000.000 đồng tính từ ngày 26/8/2014 đến ngảy 05/5/2016 là 21 tháng với lãi suất 2,5%/tháng với số tiền lãi là 52.500.000 đồng.

Hai bên thống nhất tổng cộng tiền vốn và lãi là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) có chữ ký của bà C, ông Đ trong Tờ cam kết; bà Phan Thị Hồng C và ông Trần Văn Đ thỏa thuận cách thức trả số tiền 610.000.000 đồng như sau:

- Vào ngày 19/8/2016 bà C, ông Đ trả 250.000.000 đồng.

- Vào ngày 19/12/2016 bà C, ông Đ trả 250.000.000 đồng.

- Vào ngày 19/4/2017 bà C, ông Đ trả 110.000.000 đồng.

Nếu ngày 19/8/2016 bà C, ông Đ không thực hiện việc trả nợ như cam kết thì bà có quyền khởi kiện bà C, ông Đ để yêu cầu trả nợ gốc và lãi một lần; Nhưng đến ngày 19/8/2016 bà C, ông Đ không trả nợ như thỏa thuận và hứa trả nhiều lần nhưng không thực hiện;

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C, ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 610.000.000 đồng và chịu lãi suất đối với số tiền vốn 400.000.000 đồng với lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 19/8/2016 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án do bà C, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận; Bà yêu cầu tính lãi vì số tiền bà cho bà C, ông Đ vay là do bà đi mượn tiền của người khác để đưa cho bà C, ông Đ.

**Tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2017quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Hồng C trình bày:*

Bà thừa nhận vào ngày 08/8/2014 bà và chồng bà là ông Trần Văn Đ có vay của bà Nguyễn Thị N 300.000.000 đồng; Đến ngày 26/8/2014 vợ chồng bà có vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng của bà N; Tổng cộng tiền vốn là 400.000.000 đồng với lãi suất 2,5%/tháng; Đến ngày 19/4/2016 hai bên thống nhất tổng cộng tiền vốn và lãi là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) thỏa thuận cách thức trả nợ số tiền 610.000.000 đồng như sau:

- Vào ngày 19/8/2016 bà C, ông Đ trả 250.000.000 đồng.

- Vào ngày 19/12/2016 bà C, ông Đ trả 250.000.000 đồng.

- Vào ngày 19/4/2017 bà C, ông Đ trả 110.000.000 đồng.

Nhưng do kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ được cho bà N; Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 610.000.000 đồng và chịu lãi suất đối với số tiền vốn 400.000.000 đồng với lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 19/8/2016 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì bà đồng ý, do vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất 2,5%/tháng theo 'Tờ cam kết" giữa vợ chồng bà và bà N.

Bị đơn ông Trần Văn Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, nhưng ông Đ vắng mặt không lý do, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Văn Đ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận.Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên đây là vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005; Bị đơn bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ có nơi cư trú tại ấp AB, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 9, 25 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án vì không thuộc trường hợp không phải nộp hoặc được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 610.000.000 đồng và chịu lãi suất đối với số tiền vốn 400.000.000 đồng với lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 19/8/2016 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Khi khởi kiện bà Nguyễn Thị N đã cung cấp "Tờ cam kết" (BL 07) có chữ ký của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ; Theo nội dung "Tờ cam kết" bà C, ông Đ thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 610.000.000 đồng và thỏa thuận cách thức trả nợ như sau:

- Vào ngày 19/8/2016 bà C, ông Đ trả 250.000.000 đồng.

- Vào ngày 19/12/2016 bà C, ông Đ trả 250.000.000 đồng.

- Vào ngày 19/4/2017 bà C, ông Đ trả 110.000.000 đồng.

Xét tính hợp pháp của "Tờ cam kết" các đương sự thừa nhận chữ ký và nội dung trong "Tờ cam kết" là đúng thực tế và có thật, không có sự phản đối của các bên nên nội dung thỏa thuận này nguyên đơn không phải chứng minh được quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; nội dung thỏa thuận đúng với quy định tại Điều 388 của Bộ luật dân sự 2005 về khái niệm hợp đồng dân sự *"Hợp đồng dân sự là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự"* và tại khoản 2 Điều 389 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự *"... Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác, trung thực và ngay thẳng"*

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Phan Thị Hồng C không có yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất 2,5%/tháng đối số tiền gốc 400.000.000 đồng (trong đó vay ngày 08/8/2014 số tiền 300.000.000 đồng và vay ngày 26/8/2014 số tiền 100.000.000 đồng) mà các bên đã thỏa thuận; bà C đồng ý tính lãi đối với số tiền gốc 400.000.000 đồng với mức lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 19/8/2016 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, do vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với bà N, điều này phù hợp với các quy định tại Điều 290 của Bộ luật dân sự 2005 về thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

"*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận.*

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác..

[2.2]. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị N buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Phan Thị Hồng C và chồng là ông Trần Văn Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: ông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm; Mặc dù, ông Đ vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến của mình về việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, nhưng tại "Tờ cam kết" ông Đ đã thống nhất số tiền nợ và đồng ý và ký tên vào Tờ cam kết mặc nhiên xem như ông Đ đã biết và thừa nhận nợ đối với bà N; Tại phiên tòa bà C thừa nhận bà và ông Đ vẫn còn là quan hệ vợ chồng, số tiền bà và ông Đ nợ của bà Nguyễn Thị N là nợ chung của vợ chồng và đồng ý liên đới trả; theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng:

"1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này".

Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy cần buộc trách nhiệm liên đới của ông Đ cùng bà C trả tiền vay cho bà Nở là có căn cứ.

[2.3]. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị N về việc tính lãi chậm trả của số tiền vốn 400.000.000 đồng với mức lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 19/8/2016 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: bà Nguyễn Thị N đưa ra mức lãi suất là 1,75%/tháng tính từ ngày bà C, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận (ngày 19/8/2016) đến khi Tòa án giải quyết vụ án; căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"1. Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng....."*

Qua tham khảo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng (vay không kỳ hạn) là 1,2%/tháng; Do bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự *"... Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ"*; Như vậy, về thời gian và mức lãi suất bà N yêu cầu là có căn cứ và phù hợp quy định nên được chấp nhận. Tính từ ngày bà C, ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là ngày 19/8/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 11/8/2017 là 11 tháng 21 ngày;

Cụ thể: 400.000.000 đồng tiền vốn x (11 tháng + 21 ngày) x 1,7%/tháng = 79.546.000 đồng (Bảy mươi chín triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền bà C và ông Đ phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N là: 610.000.000 đồng + 79.546.000 đồng = 689.546.000 đồng (Sáu trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N được chấp nhận toàn bộ nên bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Cụ thể số tiền 689.546.000 đồng án phí sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + (4% của số tiền vượt quá 400.000.000 đồng) = 31.581.840 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 290, 388, 389, 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tổng cộng là 689.546.000 đồng (Sáu trăm tám mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng) - *[Trong đó: 610.000.000 đồng là số tiền mà bà C, ông Đ đã thống nhất còn nợ bà N tại "Tờ cam kết" và 79.546.000 đồng là tiền lãi của số tiền gốc 400.000.000 đồng]*

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Phan Thị Hồng C, ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu 31.581.840 đồng (Ba mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi mốt ngàn tám trăm bốn mươi đồng).

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.475.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0004995 ngày 20/4/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Bà Nguyễn Thị N, bà Phan Thị Hồng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện P;
- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Văn Phương